

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/04/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Đức Dũng**

2/ Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Võ Thị Mộng M, sinh năm: 1968.

ĐKTT và nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968.

ĐKTT và nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M và ông H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Võ Thị Mộng M trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà Võ Thị Mộng M và ông Nguyễn Văn H tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 17/09/1988. Đây là hôn nhân lần đầu của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: ông bà có 05 người con chung là Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991, Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1994, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1997, Nguyễn Ngọc Thủy T1, sinh năm: 2003 và Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006. Đối với các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu, riêng cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006 bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất với trình bày của bà M về quá trình hôn nhân. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, ngoài ra bà M thường bỏ bịch và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do không còn tình cảm, nên ông H đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông H thống nhất với trình bày của bà M về 05 người con chung. Đối với các con chung đã trưởng thành thì ông không yêu cầu. Riêng đối với con chung là cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006, ông đồng ý giao bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện C, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Võ Thị Mộng M ly hôn với ông Nguyễn Văn H; về con chung: giao cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Võ Thị Mộng M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Nguyễn Văn H. Ông H có nơi cư trú tại tổ A, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28;

điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử bà M và ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Mộng M và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 17/9/1988 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ:

Bà M trình bày quá trình vợ chồng chung sống, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Bản thân ông H thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà M không chung thủy nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay ông bà đều xác định là vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung và đều thống nhất ly hôn. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mộng M là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: ông bà có 05 người con chung. Trong đó, các con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991, chị Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1994, chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1997 và chị Nguyễn Ngọc Thủy T1, sinh năm: 2003 đều đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006, bà M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông H cũng thống nhất với yêu cầu của bà M về con chung. Do đó có căn cứ để chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

- Về tài sản chung: Không ai yêu cầu, nên không xem xét.

- Về nợ chung: bà M và ông H đều thống nhất khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: bà Võ Thị Mộng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 5, 6, 7 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mộng M.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Mộng M được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 31/7/2006 cho bà Võ Thị Mộng M trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với các con chung là anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991, chị Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1994, chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1997 và chị Nguyễn Ngọc Thủy T1, sinh năm: 2003 đều đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Tạm thời ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không ai yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Võ Thị Mộng M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Võ Thị Mộng M đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0000480 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND p Xuân Lập, TP Long Khánh, t Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang

